

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Đức	Tài	3771020328	02/10/1994	5,00	4,50	4,70	
2	Huỳnh Văn	Luận	3771020705	19/05/1995	10,00	6,00	7,20	
3	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995	7,00	1,50	3,20	
4	Trần Duy	Quang	3771020714	12/01/1995	9,00	6,80	7,50	
5	Trần Huy	Hùng	3771020715	10/04/1995	5,00	4,30	4,50	
6	Vô Thái	Cường	3771020719	28/09/1995	7,00	2,80	4,10	
7	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995	6,00	3,30	4,10	
8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3771020737	29/06/1995	,00	,00	,00	CT
9	Phạm Bá	Châu	3771020743	08/06/1995	5,00	3,50	4,00	
10	Nguyễn Khắc	Tú	3771020744	14/11/1994	5,00	3,50	4,00	
11	Vô Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994	5,00	1,80	2,80	
12	Vô Trần Minh	Tài	3771020747	27/05/1994	6,00	6,80	6,60	
13	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989	5,00	4,80	4,90	
14	Nguyễn Hoàng	Duy	3771020762	04/06/1995	,00	,00	,00	CT
15	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993	5,00	3,80	4,20	
16	Lê Minh	Thà	3771020772	02/03/1991	,00	,00	,00	CT
17	Lê Đình	Vương	3771020774	16/06/1992	8,00	3,80	5,10	
18	Đào Duy	Lâm	3771020776	20/06/1995	9,00	6,80	7,50	
19	Văn Công Vũ	Bảo	3771020779	16/04/1995	6,00	2,50	3,60	
20	Nguyễn Thanh	Huy	3771020784	18/11/1995	7,00	1,80	3,40	
21	Vô Mạnh	Cường	3771020785	02/09/1993	5,00	2,80	3,50	
22	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995	6,00	2,30	3,40	
23	Nguyễn Tấn	Thắng	3771020796	02/06/1995	10,00	7,00	7,90	
24	Lê Tuấn	Phương	3771020800	25/10/1995	,00	,00	,00	CT
25	Đỗ Thành	Tài	3771020801	18/09/1995	,00	,00	,00	CT
26	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995	7,00	6,00	6,30	
27	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994	5,00	2,30	3,10	
28	Nguyễn Duy	Cường	3771020810	10/02/1995	9,00	5,30	6,40	
29	Lê Minh	Tường	3771020824	16/03/1995	5,00			
30	Nguyễn Khánh	Vinh	3771020826	28/06/1995	5,00	2,80	3,50	
31	Bùi Hữu	Tân	3771020831	13/04/1995	5,00			
32	Nguyễn Ngọc	Tân	3771020851	26/10/1995	9,00	4,30	5,70	
33	Trần Hường	Phước	3771021087	26/03/1994	,00	,00	,00	CT
34	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995	6,00	3,80	4,50	
35	Trần Cao	Việt	3771021151	24/10/1995	8,00	3,80	5,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Đăng	Từ	3771021165	17/12/1994	6,00	1,50	2,90	
37	Nguyễn Ngọc	Luận	3771021191	20/01/1994	9,00	3,00	4,80	
38	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994	7,00	4,80	5,50	
39	Võ Duy	Tân	3771021228	10/01/1995	10,00	5,80	7,10	
40	Liêu Việt	Thành	3771021234	10/06/1993	7,00	3,80	4,80	
41	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992	,00	,00	,00	CT
42	Nguyễn Văn	Dũng	3771021253	05/05/1994	9,00	7,00	7,60	
43	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3771021276	05/05/1995	6,00	3,00	3,90	
44	Trần Quốc	Triệu	3771021301	18/06/1995	5,00	3,80	4,20	
45	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995	8,00	6,00	6,60	
46	Trần Quốc	Tài	3771021325	22/11/1995	5,00	2,00	2,90	
47	Võ Minh	Tân	3771021347	25/05/1995	8,00	3,30	4,70	
48	Lê Văn	Hậu	3771021381	05/03/1995	6,00	3,00	3,90	
49	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995	8,00	6,80	7,20	
50	Trần Đình	Sửu	3771021413	10/10/1994	6,00	1,30	2,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)